

Bản án số: 123/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2020
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Diễm**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Quách Trung Sơn**
2. Ông **Trần Trung Nhân**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **Bùi Quốc Hiến** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc Tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Ấp 01, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng V**, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt, chị V vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai cùng ngày 02/01/2020, nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Do quen biết nên anh và chị Nguyễn Thị Hồng V xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân: do chị V đánh bạc, không chí thú làm ăn, không quan tâm chồng con. Đến khi chị V sinh con được 01 tuổi thì để lại anh chăm sóc nuôi dưỡng và chị bỏ đi nơi khác sinh sống không rõ lý do. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoài A, sinh ngày 28/3/2009, hiện đang sống chung với anh B. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay anh B xin ly hôn với chị V. Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 28/3/2009, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng V đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng được Tòa án triệu tập họp lệ để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị V vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản ý kiến trả lời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Hồng V xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008. Anh B xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do chị V đánh bạc, không chí thú làm ăn, không quan tâm chồng con. Đến khi chị V sinh con được 01 tuổi thì để lại anh chăm sóc nuôi dưỡng và chị bỏ đi nơi khác sinh sống không rõ lý do. Vì vậy anh và chị đã ly thân nhau từ năm 2009 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được gì. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian chung sống hạnh phúc giữa anh B và chị V là ngắn, thời gian ly thân của anh B và chị V từ năm 2009 đến nay nhưng chị V cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, phía anh B cương quyết xin ly hôn và xác định không thể sống chung được với chị V, trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được gì, chị V đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của anh B và cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng chị vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản ý kiến trả lời chứng tỏ chị V không quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng với anh B. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị V là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh B được ly hôn chị V là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh B và chị V có một con chung tên Nguyễn Hoài A, sinh ngày 28/3/2009 hiện do anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh B yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 28/3/2009, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu A hiện đang sống chung với anh B ổn định từ khi sinh ra cho đến nay, cháu A có Tờ tự khai xác định cháu muốn sống chung với anh B. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cho anh B nuôi dưỡng cháu A là phù hợp, đảm bảo cuộc sống cho cháu. Anh B xác định không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh B xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh B xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B.

Cho anh Nguyễn Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng V.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn B được tiếp tục nuôi dưỡng một con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Hồng V là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 28/3/2009. Chị Nguyễn Thị Hồng V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Hồng V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh B đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 0002987 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang xem như anh B đã thi hành xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Hồng V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diễm

